

Số: /KH-UBND *Quảng Trị, ngày tháng năm 2023*

KẾ HOẠCH
Kiểm tra công tác Cải cách hành chính năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2023, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác Cải cách hành chính nhà nước (viết tắt là CCHC) năm 2023, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện các chương trình, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kế hoạch của cấp trên liên quan đến công tác CCHC và Kế hoạch CCHC hàng năm của đơn vị; thông qua đó, làm rõ kết quả cải cách hành chính đạt được trên các lĩnh vực quản lý của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố (*gọi chung là cấp huyện*); UBND các xã, phường và thị trấn (*gọi chung là cấp xã*). Kịp thời đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt công tác cải cách hành chính (CCHC), đề xuất những vấn đề cần quan tâm trong chỉ đạo, điều hành; kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền để nâng cao chất lượng công tác CCHC của tỉnh.

- Kịp thời phát hiện những mô hình, cách làm hay để nêu gương, nhân rộng đồng thời chỉ ra những tồn tại, khó khăn, vướng mắc để xác định nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất các giải pháp khắc phục những hạn chế tại đơn vị được kiểm tra.

- Tạo chuyên biến mạnh mẽ về trách nhiệm người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác CCHC; trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức.

- Nắm bắt tình hình thực hiện công tác CCHC tại các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh, để có cơ sở xem xét, đánh giá xếp loại Chỉ số CCHC, mức độ hoàn thành nhiệm vụ (HTNV) và bình xét khen thưởng danh hiệu thi đua cuối năm 2023.

2. Yêu cầu

- Việc kiểm tra phải thực hiện đúng quy định của pháp luật, nghiêm túc, khách quan, trung thực, không gây trở ngại đến hoạt động chuyên môn bình thường của các cơ quan, đơn vị và cá nhân là đối tượng được kiểm tra.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương để đảm bảo việc kiểm tra mang tính toàn diện, tránh chồng chéo, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm; chú ý các nội dung quan trọng nhằm cải thiện, nâng cao các Chỉ số PAPI,

PAR INDEX, SIPAS của tỉnh.

- Kết hợp giữa làm việc, trao đổi với khảo sát thực tế; đánh giá, kết luận kiểm tra phải phản ánh đúng thực tế về công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả kiểm tra phải được tổng hợp báo cáo theo quy định; các kiến nghị của Đoàn kiểm tra phải được cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc và có báo cáo kết quả khắc phục. Trường hợp cần thiết có thể thực hiện phúc tra, tái kiểm tra đối với cơ quan, đơn vị.

- Việc kiểm tra công tác cải cách hành chính là yêu cầu bắt buộc của các cơ quan hành chính nhà nước. Do vậy, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị mình.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Nội dung Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính của tỉnh sẽ kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC và kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực; kiểm tra một số chuyên đề cụ thể.

b) Đối với các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ tham mưu UBND tỉnh các nội dung trong công tác CCHC, kiểm tra thêm chức trách tham mưu thực hiện Kế hoạch CCHC của tỉnh năm 2023 và các văn bản giao nhiệm vụ khác có liên quan.

2. Tự kiểm tra và kiểm tra đối với các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc các sở, ngành, địa phương

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương phải tự kiểm tra thường xuyên và tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ CCHC đối với các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc (xây dựng kế hoạch và tiến hành kiểm tra ít nhất 30% số phòng, ban, đơn vị thuộc và trực thuộc). Trong khi thực hiện cần lưu ý các nội dung sau:

- Việc tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ CCHC được giao.

- Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính (TTHC); việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức.

- Kiểm tra việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (rà soát quy trình và cơ chế phối hợp giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong nội bộ cơ quan cũng như với các cơ quan, đơn vị liên quan; đánh giá kết quả giải quyết TTHC và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào quá trình giải quyết hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử).

- Tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến toàn trình và một phần; tình hình triển khai luân chuyển hồ sơ điện tử, cấp kết quả điện tử, tình hình triển khai quy trình số hoá hồ sơ, kết quả TTHC theo Công văn 1904/UBND-NC ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh trên địa bàn (đối với cấp huyện, xã), thanh toán trực tuyến phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính; công tác tuyên truyền và hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến.

- Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

III. CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

1. Kiểm tra toàn diện công tác CCHC

a) Trưởng đoàn Kiểm tra quyết định cơ quan, đơn vị sẽ kiểm tra, thông báo lịch kiểm tra cho các cơ quan, đơn vị được kiểm tra ít nhất 10 ngày để chuẩn bị. Số lượng cơ quan, đơn vị được kiểm tra phải đảm bảo:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh và UBND cấp huyện: Kiểm tra ít nhất 03 cơ quan, đơn vị.

- UBND cấp xã: Kiểm tra ít nhất 02 đơn vị cấp xã.

b) Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra xây dựng báo cáo theo đề cương kèm theo Kế hoạch này.

(Chi tiết tại Phụ lục I Đề cương của Kế hoạch này)

2. Kiểm tra chuyên đề (02 chuyên đề)

a) Chuyên đề 1: Việc tổ chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC tại Bộ phận Một cửa và trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh

- Việc thực hiện quy định về tổ chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC tại Bộ phận Một cửa và trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

- Việc giải quyết hồ sơ TTHC (đặc biệt đối với hồ sơ lĩnh vực đất đai).

- Việc thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả TTHC.

- Việc triển khai thanh toán trực tuyến, Dịch vụ công trực tuyến.

(Chi tiết tại Phụ lục II Đề cương của Kế hoạch này)

b) Chuyên đề 2: Về Tài chính công

- Việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; thực hiện công khai ngân sách.

- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

- Tình hình thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (nếu có).

(Chi tiết tại Phụ lục III Đề cương của Kế hoạch này)

IV. THỜI GIAN KIỂM TRA

Đoàn Kiểm tra tiến hành kiểm tra theo lịch thông báo cụ thể gửi các cơ quan, đơn vị, địa phương, dự kiến 03 đợt:

- Đợt 1 (tháng 5/2023): kiểm tra chuyên đề tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đợt 2 (tháng 7/2023): kiểm tra toàn diện tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đợt 3 (tháng 9/2023): kiểm tra chuyên đề tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

V. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA

1. Kiểm tra trực tiếp

- Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh sẽ gửi văn bản đến cơ quan, đơn

vị, địa phương trước 10 ngày về thành phần, thời gian kiểm tra tại đơn vị.

- Các đơn vị được kiểm tra báo cáo kết quả thực hiện trên các lĩnh vực thuộc nội dung kiểm tra và cung cấp các tài liệu, số liệu, báo cáo có liên quan cho Đoàn kiểm tra (Các số liệu liên quan đến nội dung kiểm tra được thống kê từ ngày 01/01/2023 đến ngày báo cáo).

- Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh kiểm tra thực tế những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra; nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra; kiểm tra trực tiếp tại 2 - 3 phòng, ban, đơn vị trực thuộc và 2 - 3 phòng, ban chuyên môn hoặc đơn vị hành chính cấp xã thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố. Trong trường hợp cần thiết, Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh làm việc với một số tổ chức, cá nhân liên quan để kiểm tra, xác minh.

- Tiến hành trao đổi, thảo luận, yêu cầu cơ quan, đơn vị được kiểm tra báo cáo bổ sung, giải trình để làm rõ đối với những nội dung còn chưa thống nhất. Trong quá trình kiểm tra, các thành viên Đoàn kiểm tra tìm hiểu nguyên nhân khó khăn, tồn tại, nghiên cứu đề xuất của cơ quan, đơn vị, địa phương và giải đáp, hướng dẫn những vướng mắc để giúp cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục những hạn chế, tồn tại.

- Thông qua Biên bản kiểm tra và ban hành Báo cáo kết luận về kết quả kiểm tra.

Đối với một số lĩnh vực, nội dung kiểm tra của Kế hoạch này đã được các Sở có liên quan kiểm tra chuyên ngành theo yêu cầu của các Bộ, ngành Trung ương trong năm 2022 sẽ được Đoàn kiểm tra sử dụng kết quả làm căn cứ để kết luận.

2. Kiểm tra theo hình thức khác (đột xuất, qua báo cáo...)

Căn cứ tình hình thực tế, UBND tỉnh giao Đoàn Kiểm tra nghiên cứu triển khai tổ chức kiểm tra thêm các chuyên đề khác theo hình thức phù hợp nhằm phát hiện kịp thời các tồn tại, hạn chế, có giải pháp khắc phục nâng cao hiệu quả thực hiện và chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

Đối với việc kiểm tra đột xuất: Đoàn kiểm tra công tác CCHC của tỉnh không báo trước cho cơ quan, đơn vị biết về lịch, thời gian kiểm tra. Phóng viên Báo Quảng Trị, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đi cùng ghi hình và đưa công khai kết quả kiểm tra lên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh.

VI. THÀNH PHẦN CỦA ĐOÀN KIỂM TRA

1. Thành phần Đoàn Kiểm tra công tác CCHC của tỉnh

- Đoàn Kiểm tra được thành lập theo quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh gồm thành viên các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường và Văn phòng UBND tỉnh.

- Tổ chức các Tổ Kiểm tra phù hợp với nội dung, đối tượng và hình thức kiểm tra.

2. Thành phần của các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia làm việc với Đoàn Kiểm tra (kiểm tra trực tiếp)

a) Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra toàn diện

- Đối với các Sở, ban, ngành: Thành phần làm việc gồm: Lãnh đạo cơ quan phụ trách công tác CCHC; Chánh Văn phòng; Trưởng các phòng chuyên môn có liên quan; Công chức phụ trách công tác CCHC; Công chức phụ trách công tác kiểm soát TTHC.

- Đối với UBND cấp huyện: Lãnh đạo UBND huyện phụ trách công tác CCHC; Chánh Văn phòng UBND huyện; Lãnh đạo, công chức phòng Nội vụ phụ trách công tác CCHC; Trưởng phòng Tư pháp; Trưởng phòng Tài nguyên - Môi trường; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin; Công chức phụ trách công tác kiểm soát TTHC; Công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Mời đại diện Văn phòng đăng ký đất đai cấp huyện, đại diện Chi cục Thuế tham gia.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra chuyên đề

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được kiểm tra;

- Trưởng phòng, người đứng đầu đơn vị thuộc và trực thuộc có liên quan đến nội dung kiểm tra;

- Công chức được giao nhiệm vụ theo dõi, tham mưu về lĩnh vực kiểm tra;

- Công chức phụ trách công tác CCHC.

3. Trách nhiệm của Đoàn kiểm tra

- Đoàn kiểm tra có trách nhiệm triển khai các hoạt động kiểm tra theo đối tượng, nội dung, hình thức và thời gian nêu trong Kế hoạch này.

- Từng thành viên đoàn kiểm tra có nhiệm vụ thực hiện kiểm tra các nội dung theo phân công của Trưởng Đoàn và Tổ trưởng Tổ kiểm tra; tham dự đầy đủ các buổi làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Báo cáo kết quả kiểm tra với Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ kế hoạch này, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tự kiểm tra và lồng ghép báo cáo kết quả tự kiểm tra trong báo cáo CCHC định kỳ (nêu rõ các văn bản chỉ đạo khắc phục sau kiểm tra, kết quả khắc phục hạn chế...).

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính của tỉnh năm 2023 với thành phần, số lượng thành viên đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao. Trung tập cán bộ, công chức tham gia đoàn kiểm tra và tổ chức cuộc kiểm tra theo kế hoạch này.

- Tham mưu việc tổ chức thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch.

- Kết thúc đợt kiểm tra tổng hợp báo cáo kết quả với Chủ tịch UBND tỉnh, tham mưu ban hành văn bản để chấn chỉnh những tập thể cá nhân chưa chủ động, chưa tích cực trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác cải cách hành chính, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị biện pháp xử lý đối với các sai phạm của cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực kiểm tra theo thẩm quyền.

- Tổ chức kiểm tra đột xuất các nội dung liên quan đến công tác CCHC năm 2023 tại các cơ quan, đơn vị.

3. Các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh

- Cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn Kiểm tra theo Kế hoạch và bố trí công tác hợp lý để thành viên tham gia đầy đủ theo đúng quy định.

- Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan theo phạm vi, chức năng quản lý gửi Thư ký Đoàn Kiểm tra tổng hợp.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường và một số cơ quan, đơn vị có liên quan

Cử thành viên tham gia Đoàn Kiểm tra tại UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra trực tiếp

- Xây dựng báo cáo (theo Đề cương và phụ lục đính kèm Kế hoạch này) gửi Đoàn Kiểm tra trước ngày kiểm tra 05 ngày. Bố trí phòng họp, lãnh đạo và công chức có liên quan làm việc trực tiếp với Đoàn Kiểm tra.

- Báo cáo, cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin, tài liệu, nội dung theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra.

- Tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc.

- Báo cáo kết quả khắc phục những tồn tại, hạn chế mà Đoàn Kiểm tra đã chỉ ra sau kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC năm 2023, yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan CM thuộc UBND tỉnh;
- Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, NC_(Y).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hưng

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC CCHC NĂM 2023
(Kèm theo Kế hoạch số KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

**CƠ QUAN, TỔ CHỨC
BAN HÀNH VĂN BẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-...

....., ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính của..... (ghi rõ tên cơ quan, tổ chức) năm 2023

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

a) Về kế hoạch cải cách hành chính

- Việc xây dựng, ban hành và tổ chức triển khai các Chương trình, Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030 của tỉnh; Kế hoạch năm 2023 của cơ quan, đơn vị (Kế hoạch CCHC, Kế hoạch tuyên truyền CCHC, Kế hoạch Kiểm tra CCHC...).

- Rà soát, báo cáo tiến độ, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra trong kế hoạch (*số nhiệm vụ đã hoàn thành, chưa hoàn thành so với kế hoạch*).

- So sánh kết quả thực hiện các chỉ tiêu về CCHC của cơ quan, đơn vị đến năm 2023, dự kiến chỉ tiêu đạt đến năm 2025 theo Nghị quyết 76/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy.

b) Về chỉ đạo, điều hành CCHC

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành về CCHC (*chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở thực hiện nhiệm vụ CCHC*).

- Việc phân công lãnh đạo, công chức phụ trách công tác CCHC.

- Việc tổ chức đánh giá và thực hiện các giải pháp để nâng cao chỉ số CCHC của đơn vị.

- Số lượng các cuộc họp, hội nghị, giao ban về công tác CCHC và các nội dung liên quan đến công tác CCHC (*kể cả giao ban tập thể lãnh đạo*).

- Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC.

- Những sáng kiến CCHC đã và đang áp dụng hiệu quả tại đơn vị (*ghi rõ kết quả đạt được đến thời điểm kiểm tra*).

- Việc bố trí kinh phí thực hiện công tác CCHC của đơn vị.

c) Công tác tự kiểm tra CCHC

- Việc xây dựng và ban hành kế hoạch kiểm tra CCHC tại các địa phương, đơn vị trực thuộc;

- Số lượng các cơ quan, đơn vị được kiểm tra về CCHC; việc xử lý các vấn đề tồn tại sau kiểm tra (số vấn đề đặt ra sau kiểm tra, đã xử lý/đã thực hiện, kèm theo hồ sơ có liên quan gồm báo cáo tự kiểm tra và kết quả khắc phục).

d) Kết quả khắc phục kết luận của Đoàn kiểm tra công tác CCHC trong thời gian từ năm 2019-2022.

đ) Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Báo cáo về công tác tuyên truyền CCHC của đơn vị, gồm các nội dung:

- Kế hoạch tuyên truyền CCHC.

- Số lượng tin, bài tuyên truyền CCHC tương ứng với các hình thức tuyên truyền (trên đài, báo chí, trên website, hình thức khác).

- Tổ chức cuộc thi về CCHC (nếu có).

2. Cải cách thể chế

a) Hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước

- Số văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành (hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành). Trong đó, làm rõ việc tuân thủ quy trình, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật, chất lượng văn bản được ban hành, tham mưu ban hành.

- Công tác theo dõi thi hành pháp luật theo Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành (Ban hành Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm 2023, Báo cáo kết quả theo dõi, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật).

b) Rà soát văn bản quy phạm pháp luật

Nội dung báo cáo theo quy định tại các Điểm a, b, c, d Khoản 3 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL.

c) Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật tại UBND cấp huyện

- Tình hình triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền phụ trách tại cơ quan, đơn vị; trong đó nêu rõ số văn bản quy phạm pháp luật phải triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị theo quy định, số văn bản quy phạm pháp luật đã được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

- Tình hình thực hiện tự kiểm tra việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan, đơn vị; nêu rõ số văn bản quy phạm pháp luật được kiểm tra thực hiện so với tổng số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.

d) Công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính

a) Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính:

- Việc ban hành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện

kiểm soát thủ tục hành chính.

- Kết quả thực hiện (tình hình đơn đốc, chỉ đạo thực hiện kế hoạch và các văn bản liên quan về kiểm soát thủ tục hành chính; việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính; công tác đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức.

b) Việc thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính và việc tiếp thu, giải trình nội dung tham gia ý kiến về quy định thủ tục hành chính của các cơ quan chủ trì soạn thảo (*nếu có, đối với các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh*).

c) Việc thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính:

- Kết quả thực hiện công bố danh mục thủ tục hành chính (*ghi rõ thời gian tham mưu ban hành so với thời gian văn bản QPPL quy định TTHC có hiệu lực thi hành đến thời điểm kiểm tra*).

- Việc tham mưu phê duyệt tình phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (*đối với các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc UBND tỉnh - ghi rõ số TTHC thực hiện và số quy trình nội bộ đã ban hành được quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP*).

- Việc thực hiện công khai TTHC và công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (*tỷ lệ % đã công khai*).

d) Việc đưa thủ tục ngành dọc thực hiện tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 2289/KH-UBND ngày 27/5/2020 của UBND tỉnh.

đ) Việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

- Nêu các lĩnh vực, công việc thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại địa phương, đơn vị (*Nêu cụ thể số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông/tổng số TTHC*); Tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh Quảng Trị (*Số hồ sơ cập nhật trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử/ Số hồ sơ đã tiếp nhận, giải quyết; Nêu cụ thể kết quả đã giải quyết đến thời điểm kiểm tra*).

- Thống kê và báo cáo tình hình thực hiện TTHC của cơ quan, đơn vị trình UBND quy định.

- Ban hành Quy chế quy định quy trình tiếp nhận, chuyên hồ sơ, xử lý, trình ký, trả lại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; trách nhiệm của bộ phận liên quan trong việc thực hiện cơ chế một cửa; trách nhiệm của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- Bố trí, phân công công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP.

- Tình hình xây dựng trụ sở làm việc của các xã, phường thị trấn (*việc bố trí nơi làm việc của Bộ phận một cửa*); Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho

việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại địa phương, đơn vị (đạt yêu cầu/chưa đạt yêu cầu), việc triển khai nhận diện thương hiệu theo văn bản số 2102/UBND-NC ngày 11/5/2022, phiếu chuyển hồ sơ, phiếu nhận hồ sơ, sổ theo dõi giải quyết....

- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận, số hồ sơ đã giải quyết đúng hạn, số hồ sơ giải quyết quá hạn, nguyên nhân quá hạn.

- Thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ và Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh (*Số phiếu xin lỗi/Số hồ sơ trễ hẹn; thời gian xin lỗi so với thời gian đến hạn*).

- Tình hình, kết quả triển khai đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-VPCP và theo Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh.

e) Việc tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Chương VI Thông tư số 02/2017/TT-VPCP của Văn phòng Chính phủ:

- Việc công khai địa chỉ cơ quan, địa chỉ thư tín hoặc thư điện tử, số điện thoại chuyên dùng của cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận phản ánh, kiến nghị.

- Quá trình thực hiện việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính (*Hình thức tiếp nhận; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý/số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận*).

f) Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính: Đánh giá kết quả thực hiện, nội dung và thời gian báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp trên.

g) Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện và đề xuất, kiến nghị: Nêu cụ thể những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; đề xuất, kiến nghị và giải pháp khắc phục.

4. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương; việc đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc của Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố; rà soát số lượng cấp phó theo các Nghị định số: 107/2020/NĐ-CP và 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ.

- Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị cho phù hợp với những quy định mới của Chính phủ, của Bộ, ngành và của địa phương (*Quy chế làm việc, Quy tắc ứng xử, Quy chế dân chủ...*).

- Tỷ lệ giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và tỷ lệ thực hiện tinh giản biên chế đến thời điểm kiểm tra so với Kế hoạch thực hiện của năm 2023.

- Thực hiện các quy định về phân cấp theo các Nghị quyết của Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh về các lĩnh vực như: Nội vụ, Tài nguyên - Môi trường, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư,... *(Thực hiện phân cấp được UBND tỉnh giao, tham mưu UBND tỉnh phân cấp đối với lĩnh vực phụ trách (nếu có), kiểm tra và khắc phục sau kiểm tra việc thực hiện phân cấp theo quy định).*

5. Cải cách chế độ công vụ

a) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức

- Nêu rõ tình hình thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức (tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển; thực hiện các chế độ chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương, đơn vị).

- Việc bố trí cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm (*số CBCCVC bố trí đúng VTVL/tổng số CBCCVC hiện có; số CBCCVC chưa bố trí đúng VTVL, lý do*).

- Việc thực hiện Đề án Văn hóa công vụ theo Kế hoạch 1291/KH-UBND ngày 28/3/2019 của UBND tỉnh (*Đạo đức công vụ, văn hóa công sở, cải tiến chế độ làm việc, ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả làm việc, khen thưởng và xử lý công chức vi phạm...*).

- Xây dựng và thực hiện các chính sách, giải pháp đổi mới trong công tác quản lý, đánh giá, khen thưởng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền sở, ban, ngành, huyện, thị xã, thành phố quản lý.

- Việc thực hiện quy chế làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức.

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Tổng số CBCCVC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng (*trong đó, số lượng công chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng*).

- Kết quả mở các lớp bồi dưỡng được giao trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của tỉnh, của địa phương, đơn vị.

c) Về cán bộ, công chức cấp xã

Thực tế số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, trong đó, nêu rõ số lượng và tỷ lệ % công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định; số lượng và tỷ lệ % số cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tập huấn trong năm; việc thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức cấp xã hàng năm theo quy định.

6. Về cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý đối với cơ quan nhà nước

- Việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công (*nêu rõ số cơ quan, đơn vị trực thuộc phải ban hành Quy chế và đã ban hành Quy chế*).

- Số cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm. Mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức (nếu có).

b) Kết quả thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Nêu rõ số lượng đơn vị tự bảo đảm chi phí hoạt động; đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động; đơn vị nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động;

- Việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý, sử dụng tài sản công (nêu rõ số cơ quan, đơn vị trực thuộc ban hành Quy chế).

c) Báo cáo kê khai, đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất đối với các cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý (*theo Kế hoạch số 253/KH-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh*).

d) Việc quản lý, sử dụng tài sản công (*kết quả thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công, kiểm kê tài sản hàng năm*).

đ) Tình hình thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

e) Tình hình thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

g) Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách được giao (*đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố*)

7. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Trị năm 2023 của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đề nghị nêu rõ tình hình sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) trong trao đổi công việc; sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc; ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trong công tác chỉ đạo điều hành và gửi nhận văn bản (tỷ lệ áp dụng); tỷ lệ hồ sơ công việc được công việc được xử lý trên môi trường mạng.

- Cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến đối với tổ chức, công dân (*thống kê số lượng hồ sơ và số TTHC được cung cấp xử lý trực tuyến toàn trình và một phần*).

- Xây dựng và vận hành Cổng/trang thông tin điện tử đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

8. Việc thực hiện các nội dung duy trì và nâng cao các chỉ số liên quan đến công tác CCHC: Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số về hiệu quả và quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm (*nêu rõ những nội dung nổi bật so với năm trước*)

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TRONG THỜI GIAN TỚI**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Lưu ý: - Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phân công phụ trách các lĩnh vực công tác cải cách hành chính của tỉnh nếu là đối tượng được kiểm tra thì báo cáo thêm kết quả tham mưu thực hiện lĩnh vực được phân công.

- Trong quá trình làm việc, để làm rõ hơn về một nội dung nào đó liên quan đến công tác CCHC, các thành viên của đoàn kiểm tra có thể yêu cầu đơn vị được kiểm tra cung cấp thêm thông tin có liên quan.

Phụ lục II
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC CCHC NĂM 2023
CHUYÊN ĐỀ 1: TỔ CHỨC TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ
TTHC TRÊN PHẦN MỀM MỘT CỬA ĐIỆN TỬ
(Kèm theo Kế hoạch số KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

CƠ QUAN, TỔ CHỨC
BAN HÀNH VĂN BẢN

Số: /BC-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính về tổ chức tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh năm 2023

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TRIỂN KHAI

- Việc ban hành và tổ chức thực hiện các quy định, quy chế về tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.
- Việc bố trí nhân lực, đảm bảo phương tiện, trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ giải quyết hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử.
- Việc đánh giá, nhận xét cán bộ, công chức, viên chức tham gia trong quy trình xử lý hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Việc giải quyết hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử, trên thực tế

- Cập nhật thông tin, địa chỉ tổ chức, cá nhân giải quyết hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử;
- Đồng bộ giữa hồ sơ giấy thực tế và hồ sơ điện tử;
- Thực hiện số hoá hồ sơ, kết quả TTHC: số hoá hồ sơ, số hoá kết quả TTHC, việc thực hiện luân chuyển điện tử.
- Trùng khớp giữa hồ sơ giấy thực tế đang lưu với thông tin về số lượng, thành phần hồ sơ, kết quả được ghi nhận trên phần mềm Một cửa điện tử;
- Thao tác, xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử;
- Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo (hồ sơ thực tế; hồ sơ điện tử);
- Phối hợp các cơ quan có liên quan trong việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông.

2. Việc thực hiện quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết hồ sơ TTHC

- Công khai TTHC, thông tin đường dây nóng;

- Tiếp nhận thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định;
- Thực hiện các quy định về: Hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ; đề nghị bổ sung hồ sơ; thông báo xin lỗi và hẹn lại thời gian trả kết quả; trả hồ sơ không giải quyết...;
- Triển khai thực hiện tiếp nhận, trả kết quả tại bộ phận một cửa các cấp.

3. Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Việc tuyên truyền hướng dẫn, hỗ trợ, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh.
- Kết quả tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến toàn trình và một phần; thanh toán trực tuyến phí, lệ phí.
- Tình hình triển khai dịch vụ chứng thực điện tử đối với cấp huyện và cấp xã.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã đạt được

2. Khó khăn, hạn chế

3. Nguyên nhân

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Phụ lục III
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC CCHC NĂM 2023
CHUYÊN ĐỀ 2: TÀI CHÍNH CÔNG
(Kèm theo Kế hoạch số KH-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Quảng Trị)

CƠ QUAN, TỔ CHỨC
BAN HÀNH VĂN BẢN

Số: /BC-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính về tài chính công năm 2023

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

- Việc xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
- Tiến độ giải ngân vốn đầu tư (áp dụng cho các đơn vị được giao vốn đầu tư phát triển hàng năm).

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thực hiện cơ chế tự chủ của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập

- Báo cáo kết quả thực hiện tự chủ theo biên chế được giao (từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo).
- Báo cáo kết quả thực hiện tự chủ, kết quả phân phối thu nhập (kết quả thực hiện của năm 2022).
- Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (*Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan*).

2. Thực hiện công khai ngân sách

- 3. Việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

4. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công được giao đầu năm và điều chỉnh đến thời điểm báo cáo.
 - + Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý khu kinh tế tỉnh: cung cấp quyết định giao vốn đầu năm, điều chỉnh.
 - + Đối với UBND huyện, thị xã, thành phố (bao gồm các xã): Cung cấp Nghị quyết của HĐND các cấp về kế hoạch đầu tư công năm 2023, Quyết định giao kế hoạch vốn các dự án mà đơn vị được giao làm chủ đầu tư.

- Tổng số vốn đầu tư công đã giải ngân từ ngày 01/01/2023 đến thời điểm báo cáo.

5. Tình hình thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (nếu có)

- Tổng số tiền thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đề nghị (từ các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại đơn vị trong 2 năm gần nhất).

- Tổng số đã thực hiện đến thời điểm báo cáo (số tiền đã nộp).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những mặt đã đạt được

2. Khó khăn, hạn chế

3. Nguyên nhân

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

-;
-;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)